

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Quý này		Luỹ kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	579.291.813.560	641.034.346.481	1.400.017.468.386	1.379.553.723.402
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		579.291.813.560	641.034.346.481	1.400.017.468.386	1.379.553.723.402
(10 = 01 - 03)						
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	249.625.170.442	315.786.040.390	640.041.132.752	671.698.787.244
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		329.666.643.118	325.248.306.091	759.976.335.634	707.854.936.158
(20 = 10 - 11)						
6. Doanh thu từ hoạt động tài chính	21	VI.26	26.338.888.822	17.345.987.841	63.660.992.056	16.798.441.325
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	(139.413.536)	(3.685.723.353)	201.023.964	(13.298.720.953)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		148.736.464	102.740.622	201.023.964	160.698.954
8. Chi phí bán hàng	24		213.720.409		4.249.194.818	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.488.603.746	10.770.057.477	33.391.830.121	22.061.016.474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		344.442.621.321	335.509.959.808	785.795.278.787	715.891.081.962
(30 = 20 + (21-22) - (24 + 25))						
11. Thu nhập khác	31		2.561.122.075	63.176.503	6.266.398.718	124.583.633
12. Chi phí khác	32		4.448.275.422	1.320.304.511	8.104.967.134	2.766.050.217
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.887.153.347)	(1.257.128.008)	(1.838.568.416)	(2.641.466.584)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		342.555.467.974	334.252.831.800	783.956.710.371	713.249.615.378
(50 = 30 + 40)						
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	91.019.694.595	85.161.770.631	201.117.029.535	159.193.873.246
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30				23.652.934.908
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		251.535.773.379	249.091.061.169	582.839.680.836	530.402.807.224
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			6.971.137.107		8.233.566.408	
17.2 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			244.564.636.272	249.091.061.169	574.606.114.428	530.402.807.224
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		7.456	7.594	17.518	16.171

Người lập biểu

Kế toán trưởng

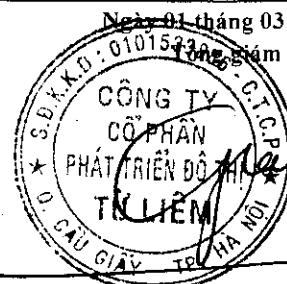
Ngày 01 tháng 03 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

Handwritten signature

Handwritten signature

Handwritten signature



TỔNG GIÁM ĐỐC

Handwritten signature